

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-10-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song H

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Minh Thư

Ông Phạm Thanh Giản

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố H Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D thành phố H Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố H Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2019/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 228/2019/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T; nơi cư trú: Số 4 A khu G M, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Mai Khắc H; nơi cư trú: Số 4 A khu G M, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-7-2019, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Đỗ Thị T trình bày:

Chị và anh Mai Khắc H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận K. Sau khi cưới, chị và anh H chung sống hòa thuận được khoảng 20 năm, đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H có T lý chán nản trong việc làm ăn kinh tế, thường xuyên uống rượu nên có nhiều hành vi không chuẩn mực, chửi bới vô cớ; vợ chồng không hòa hợp về tình cảm. Chị và gia đình hai bên cũng đã khuyên bảo anh H nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị và anh H sống ly thân từ tháng 7-2019 đến nay. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Mai Đỗ H Hà, sinh năm 1996 (đã trưởng thành) và Mai Đỗ H Ngọc, sinh ngày 28-12-2001. Khi ly hôn, chị T nhận nuôi cháu Mai Đỗ H Ngọc; vấn đề cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06-8-2019, anh H cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn, trong quá trình chung sống, do gặp khó khăn trong làm kinh tế nên anh có hành vi cư xử không đúng với gia đình chị T, anh mong muốn chị T tha thứ để vợ chồng hòa giải đoàn tụ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng do chị T cương quyết xin ly hôn nên không hòa giải được. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ qua người thân của anh H và chị T đều xác định: Chị T và anh H xảy ra mâu thuẫn đã lâu, nguyên nhân là do anh H gặp khó khăn trong vấn đề làm ăn, khi uống rượu có nhiều hành vi không chuẩn mực, xúc phạm gia đình chị T. Anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không hòa thuận được. Hiện tại chị T và anh H đã sống ly thân nhau.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn anh H. Về con chung, chị nhận nuôi cháu Mai Đỗ H Ngọc; vấn đề cấp dưỡng nuôi con, hai vợ chồng tự thỏa thuận. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H vẫn có nguyện vọng đề nghị chị T suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên chị T vẫn cương quyết đề nghị được ly hôn anh H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D thành phố H Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Cho chị T được ly hôn anh H; về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị T nuôi con chung là Mai Đỗ H Ngọc, vấn đề cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng tự thỏa thuận; về tài sản chung vợ chồng, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con chung với anh Mai Khắc H cư trú tại phường A, quận D, H Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố H Phòng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Mai Khắc H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình xác minh thập chứng cứ tại gia đình anh H và chị T xác định: Chị T và anh H xảy ra mâu thuẫn đã lâu, gia đình hai bên đã hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn giữa chị T và anh H ngày càng trầm trọng. Hiện tại, chị T và anh H đã sống ly thân, không còn quan T tới nhau. Nay chị T làm đơn ly hôn, anh H tuy không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có giải pháp gì để vợ chồng hòa giải và đoàn tụ. Tòa án đã tiến hành hòa giải hai lần nhưng không thành. Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*". Như vậy, có thể thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn anh H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là Mai Đỗ H Hà, sinh năm 1996 (đã trưởng thành) và Mai Đỗ H Ngọc, sinh ngày 28-12-2001. Hiện nay cháu Mai Đỗ H Ngọc đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Ngọc là con gái cũng có

nguyện vọng ở với chị T nên tiếp tục giao cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu, phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đỗ Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn pH nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 28, 35, 39, 147, 207, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Mai Khắc H.

2. Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Mai Đỗ H Ngọc, sinh ngày 28-12-2001 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị T pH nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0014225 ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận D, thành phố H Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Đỗ Thị T và anh Mai Khắc H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận D;
- VKSND thành phố H Phòng;
- TAND thành phố H Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND phường B, quận K, H Phòng (Số 43/1997);
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song H